

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ Thu - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 09/2020/QĐ-TA ngày 14 tháng 02 năm 2020, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Anh Nguyễn Thế D; sinh ngày 01/11/1985; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 8, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc;
2. Chị Phạm Thị O; sinh ngày 04/6/1984; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 8, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, anh Nguyễn Thế D và chị Phạm Thị O trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ. Năm 2017 hai vợ

chồng cùng xuất cảnh sang Hàn Quốc. Tháng 7/2018, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng, nên cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/01/2012. Hai đương sự thống nhất giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hiện tại cháu Oanh đang sống cùng ông Phạm Văn H tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, chị O không có mặt tại Việt Nam nên các bên thỏa thuận nhờ ông Hợi chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H thay chị O. Ông Phạm Văn Hợi tình nguyện chăm sóc cháu H thay chị Phạm Thị O.

Cháu Nguyễn Thị Khánh H có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình ; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ công an thì lần gần đây nhất, anh Nguyễn Thế D đã xuất cảnh lúc 22:56:57 ngày 03/12/2017 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Cát Bi; Chị Phạm Thị O xuất cảnh lúc 23:52:32 ngày 03/12/2017 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện cả hai đều chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015, đồng thời cả hai anh chị đều có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá giải quyết và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H (là bố đẻ của anh D và chị O). Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt người yêu cầu theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế D và chị Phạm Thị O đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Thế D và chị Phạm Thị O thấy rằng: Vợ chồng anh D, chị O chỉ chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẻ với nhau. Tháng 12/2017 vợ chồng cùng xuất cảnh sang Hàn Quốc. Tháng 7/2018 sống ly thân đến nay. Hiện tại, cả hai không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, mà chọn giải pháp ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm tới ai.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh D và chị O đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình).

Về các căn cứ cho ly hôn:

- Anh D và chị O đều có đơn yêu cầu ly hôn và đã thỏa thuận với nhau về tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

- Thực tế, hôn nhân của anh D và chị O đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Anh Nguyễn Thế D và chị Phạm Thị O đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là chị O và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh D: 2.000.000đ/tháng kể từ từ thời điểm ly hôn đến khi con chung trưởng thành. Tuy nhiên, hiện tại chị O không có mặt tại Việt Nam nên anh D, chị O, ông Hội đồng nhất: Ông Phạm Văn H sẽ chăm sóc cháu H thay chị O trong thời gian chị O chưa về nước. Cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/01/2012 (hơn 8 tuổi) có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Sự thỏa thuận này của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đáp ứng quyền lợi hợp pháp của cháu H nên cần được công nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thế D và chị Phạm Thị O.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/01/2012 cho chị Phạm Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị O chưa về nước, ông Phạm Văn H tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu H thay chị O. Anh Nguyễn Thế D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh Nguyễn Thế D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi cháu H tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ của anh Nguyễn Thế D (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0001759 ngày 19/12/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh), nay còn nộp tiếp 300.000đ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã C
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trương Thị Lệ Thu